

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 02-3-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Thị Chi;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2022/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Xóm N, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Trần Văn S, trú tại: Thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T xây dựng hạnh phúc với anh Trần Văn S do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị T và anh S chung sống với nhau tại thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận. Quá trình chung sống tiếp theo vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ thông cảm với nhau, không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được gia đình khuyên can hòa giải nhưng không có kết quả. Chị đã sống ly thân với anh S từ đầu năm 2022, hai bên không quan tâm nhau. Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Văn S. Về con chung: Chị T trình bày chị và anh S không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn S đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến tòa án để giải quyết việc chị T xin ly hôn anh nên không có lời khai của anh S.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Trần Văn S không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn S. Về con chung: Chị T và anh S không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Văn S. Anh S có nơi cư trú tại thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn S xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống với nhau tại thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ với nhau, không tin tưởng nhau nên không tìm được tiếng nói chung. Chị T đã về nhà bố mẹ ở Thái Nguyên và sống ly thân với anh S, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh S không hợp tác và không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn anh. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh S là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn S không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn S.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001400 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn